



DANH MỤC PHÉP THỬ ĐƯỢC CÔNG NHẬN

LIST OF ACCREDITED TESTS

(Kèm theo quyết định số/Attachment with decision: /QĐ – VPCNCLQG
ngày tháng 8 năm 2025 của Giám đốc Văn phòng Công nhận chất lượng
quốc gia/of BoA Director)

Tên phòng thí nghiệm: **Phòng quản lý chất lượng**
Laboratory: **Quality Control Department**

Tổ chức/Cơ quan chủ quản: **Công ty Cổ phần thép Thủ Đức - VNSTEEL**
Organization: **Thu Duc Steel Joint Stock Company - VNSTEEL**

Số hiệu/ Code: **VILAS 117**

Chuẩn mực công nhận
Accreditation criteria **ISO/IEC 17025:2017**

Lĩnh vực: **Hóa, Cơ**
Field: **Chemical, Mechanical**

Người quản lý/
Laboratory manager: **Tạ Đình An**

Hiệu lực công nhận
Period of Validation: **Từ ngày/From /08/2025 đến ngày/ to 08/2030**

Địa chỉ/Address: **Km9, đường Võ Nguyên Giáp, phường Thủ Đức, TP Hồ Chí Minh**
Km9, Vo Nguyen Giap road, Thu Duc ward, Ho Chi Minh city

Địa điểm/ Location: **Km9, đường Võ Nguyên Giáp, phường Thủ Đức, TP Hồ Chí Minh**
Km9, Vo Nguyen Giap road, Thu Duc ward, Ho Chi Minh city

Điện thoại/ Tel: **028 38 96 96 12**

Email: **thepthuduc@vnn.vn**

Website: **thepthuduc.com.vn**

DANH MỤC PHÉP THỬ ĐƯỢC CÔNG NHẬN*LIST OF ACCREDITED TESTS***VILAS 117****Lĩnh vực thử nghiệm: Cơ***Field of testing: Mechanical*

TT	Tên sản phẩm, vật liệu được thử/ <i>Materials or product tested</i>	Tên phép thử cụ thể/ <i>The name of specific tests</i>	Giới hạn định lượng (nếu có)/ Phạm vi đo <i>Limit of quantitation (if any)/range of measurement</i>	Phương pháp thử/ <i>Test method</i>
1.	Thép cốt bê tông cán nóng <i>Steel bar hot rolled</i>	Thử kéo, xác định: - Giới hạn chảy - Độ bền đứt - Độ giãn dài <i>Tensile test, determination of:</i> - <i>Yield point</i> - <i>Tensile strength</i> - <i>Elongation</i>	(10 ~ 850) kN	TCVN 197-1:2014 (ISO 6892-1:2009) TCVN 7937-1:2013 JIS Z 2241:2023 ASTM A370-24
2.		Thử uốn <i>Bending test</i>		TCVN 198:2008 TCVN 7937-1:2013 JIS Z 2248:2022R ASTM E290-22

DANH MỤC PHÉP THỬ ĐƯỢC CÔNG NHẬN*LIST OF ACCREDITED TESTS***VILAS 117****Lĩnh vực thử nghiệm: Hóa***Field of testing: Chemical*

TT	Tên sản phẩm, vật liệu được thử/ <i>Materials or product tested</i>	Tên phép thử cụ thể/ <i>The name of specific tests</i>	Giới hạn định lượng (nếu có)/ Phạm vi đo <i>Limit of quantitation (if any)/range of measurement</i>	Phương pháp thử/ <i>Test method</i>
1.	Thép hợp kim thấp <i>Low alloy steel</i>	Xác định hàm lượng các nguyên tố C, Si, Mn, P, S, Cr, Ni, Cu. Phương pháp quang phổ <i>Determination content of C, Si, Mn, P, S, Cr, Ni, Cu.</i> <i>Spark atomic emission spectrometry method</i>	C: (0,02 ~ 1,1) % Si: (0,05 ~ 1,54) % Mn: (0,05 ~ 2,0) % P: (0,006 ~ 0,085) % S: (0,006 ~ 0,055) % Cr: (0,005 ~ 8,14) % Ni: (0,005 ~ 5,0) % Cu: (0,005 ~ 0,5) %	ASTM E415-21

Chú thích/ Note:

- ASTM: American Society for Testing and Materials;
- JIS: Japanese Industrial Standards

Trường hợp Công ty Cổ phần thép Thủ Đức - VNSTEEL cung cấp dịch vụ thử nghiệm chất lượng sản phẩm, hàng hoá thì Công ty Cổ phần thép Thủ Đức - VNSTEEL phải đăng ký hoạt động và được cấp giấy chứng nhận đăng ký hoạt động theo quy định của pháp luật trước khi cung cấp dịch vụ này/ *It is mandatory for Thu Duc Steel Joint Stock Company - VNSTEEL that provides product quality testing services must register their activities and be granted a certificate of registration according to the law before providing the service*

